

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : Shell Spirax S4 TXM

Mã sản phẩm : 001D8246

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Nhà cung cấp : Công Ty Shell Vietnam TNHH
LẦU 7, CAO ỐC VĂN PHÒNG KUMHO ASIANA PLAZA
39 LÊ DUẨN, QUẬN 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Vietnam

Điện thoại : +84 8 38240300 ;

Telefax : +84 8 38257603

Điện thoại khẩn cấp : +84 8 38257602 (TRONG GIỜ LÀM VIỆC)

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : Dầu truyền động

2. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Không phải là chất hay hỗn hợp nguy hiểm theo như Hệ thống Hòa hòa Toàn cầu (GHS).

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không Yêu Cầu Ký Hiệu Nguy Hiểm

Lời cảnh báo : Không có cảnh báo bằng chữ viết

Cảnh báo nguy hiểm : **TÁC HẠI VẬT LÝ:**
Không bị phân loại là độc hại theo tiêu chuẩn GHS.
TÁC HẠI VỚI SỨC KHOẺ:
Không thuộc loại nguy hại đối với sức khỏe theo tiêu chuẩn của GHS.
TÁC HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG:
Không thuộc loại nguy hại đối với môi trường theo các tiêu chuẩn phân loại của GHS.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:
Không có khuyến cáo.

Biện pháp ứng phó:
Không có khuyến cáo.

Lưu trữ:
Không có khuyến cáo.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Việc thải bỏ:

Không có khuyến cáo.

Các thành phần nhạy : Có chứa borated ester.
Có thể gây dị ứng.

Các nguy cơ khác không có trong GHS

Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bí lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sừng tấy. Dầu mỡ đã qua sử dụng có chứa các thành phần gây hại. Không được phân loại là chất dễ cháy nhưng có thể cháy.

3. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Bản chất hóa học : Dầu khoáng tinh chế và các chất phụ gia.
Theo tiêu chuẩn IP346 thì dầu khoáng tinh chế chứa ít hơn < 3% chiết xuất DMSO.

: * có nhiều số CAS sau đây: 64742-53-6, 64742-54-7, 64742-55-8, 64742-56-9, 64742-65-0, 68037-01-4, 72623-86-0, 72623-87-1, 8042-47-5, 848301-69-9.

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Phân loại	Nồng độ [%]
Dialkyl dithiophosphat kẽm	4259-15-8	Eye Dam.1; H318 Aquatic Chronic2; H411	1 - 2.4
Borated ester	84819-41-0	Skin Sens.1B; H317	0.1 - 0.9
Dầu gốc có độ nhớt có thể thay đổi được (<20,5 mm ² /s @ 40°C) *	Không được chỉ định	Asp. Tox.1; H304	0 - 90

Xem mục 16 về giải thích cho các cụm từ viết tắt.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được cho là có nguy hiểm cho sức khỏe khi sử dụng trong điều kiện bình thường.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Không cần có sự điều trị nào trong những điều kiện sử dụng thông thường.
Trong trường hợp các triệu chứng không thuyên giảm, cần phải xin chỉ dẫn y tế.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Loại bỏ quần áo bị dính sản phẩm. Rửa sạch khu vực da bị tiếp xúc bằng nhiều nước và xà phòng nếu có thể.
Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

-
- | | |
|--|---|
| Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt | : Rửa mắt với nhiều nước. Nếu bị kích ứng kéo dài, cần phải được chăm sóc y tế. |
| Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa | : Nói chung không cần có sự điều trị trừ khi nuốt phải một lượng lớn, tuy nhiên, vẫn nên xin chỉ dẫn y tế. |
| Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm | : Các dấu hiệu và triệu chứng acne hay viêm nang lông do dầu, cũng có thể bao gồm sự hình thành các vết hoặc các mụn đen trên vùng da bị tiếp xúc. Khi nuốt phải, có thể gây ra buồn nôn, ói mửa hoặc bị tiêu chảy. |
| Bảo vệ người sơ cứu | : Khi tiến hành sơ cứu, hãy đảm bảo rằng bạn đang được trang bị thiết bị bảo vệ cá nhân thích hợp theo sự cố, thương tổn và điều kiện xung quanh. |
| Lưu ý đối với bác sỹ điều trị | : Xử lý theo triệu chứng. |

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- | | |
|--|--|
| Các phương tiện chữa cháy phù hợp | : Bột, nước phun hay sương mù. Bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất chỉ có thể được dùng trong trường hợp hỏa hoạn nhỏ. |
| Các phương tiện chữa cháy không phù hợp | : Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa. |
| Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy | : Các sản phẩm cháy nguy hiểm bao gồm: Phục hợp các hạt rắn trong không khí, các phân tử chất lỏng và khí (dạng khói). Cacbon monoxit có thể được tạo ra nếu sự cháy xảy ra không hoàn toàn. Các hợp chất hữu cơ và vô cơ chưa xác định. |
| Các phương pháp cứu hỏa cụ thể | : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. |
| Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa | : Phải mang những thiết bị bảo vệ thích hợp bao gồm găng tay chống hóa chất; áo quần chống hóa chất được chỉ định nếu dự kiến tiếp xúc nhiều với sản phẩm bị tràn đổ. Phải đeo mặt nạ thở khi lại gần lửa trong khu vực chật hẹp. Chọn áo quần của nhân viên chữa cháy phù hợp với Tiêu Chuẩn liên quan (ví dụ: Châu Âu: EN469). |

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- | | |
|---|---------------------------------|
| Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp | : Tránh tiếp xúc với da và mắt. |
|---|---------------------------------|

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Các biện pháp phòng ngừa về môi trường	: Sử dụng các chất có khả năng giữ để tránh làm ô nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay chảy vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất, hay các vật chắn thích hợp khác. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.	: rất trơn , khi đổ sản phẩm trên sàn. Để tránh tai nạn, cần dọn sạch ngay lập tức Ngăn không cho lan rộng ra bằng cách tạo một rào chắn bằng cát, đất hay các vật liệu có khả năng ngăn chặn khác. Trực tiếp thu hồi chất lỏng hay dùng vật liệu thấm. Thấm hết phần còn sót lại với một chất hấp thụ như đất sét, cát hay các vật liệu thích hợp khác và thải đúng cách.
Lời khuyên bổ sung khác	: Để lựa chọn đồ bảo hộ lao động, đọc chương 8 của tài liệu An toàn sản phẩm này Để xử lý , thải loại sản phẩm bị rò rỉ, xem chương 13 của tài liệu An toàn sản phẩm này

7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Cảnh báo Chung	: Nên lắp đặt hệ thống thông gió bên trong để tránh hít phải hơi dầu, sương dầu hoặc bụi dầu. Sử dụng thông tin trong bảng dữ liệu này làm thông tin để đánh giá nguy cơ trong những trường hợp cụ thể nhằm xác định được cách kiểm soát thích hợp trong việc bảo quản, lưu trữ và thải bỏ an toàn sản phẩm này.
Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn	: Tránh tiếp xúc lâu dài hay liên tục với da. Tránh hít phải khí và/hay sương. Khi vận chuyển, bốc xếp sản phẩm trong thùng phi phải mang giày bảo hộ lao động và sử dụng các phương tiện bốc xếp, vận chuyển phù hợp. Loại bỏ đúng cách bất kỳ những mảnh giẻ bị nhiễm dầu nào hay các vật liệu lau chùi, làm sạch để tránh hỏa hoạn.
Các vật liệu cần tránh	: Các nguyên tố ôxi hóa mạnh.
Vận chuyển Sản phẩm	: Vật liệu này có khả năng là một chất tích điện tĩnh. Phải áp dụng các thủ tục tiếp đất và liên kết thích hợp trong khi thực hiện các hoạt động chuyển hàng rời.
Lưu trữ	
Các dữ liệu khác	: Giữ bồn chứa dầu được đóng chặt thật kín và ở nơi thoáng mát. Sử dụng những bao bì có thể làm kín và có nhãn đúng qui cách. Tồn chứa ở nhiệt độ bình thường

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Vật liệu đóng gói	: Vật liệu phù hợp: Đối với bồn chứa dầu và nắp, khuyến cáo sử dụng thép thấp cacbon hoặc polyethylen có tỉ trọng cao. Vật liệu không phù hợp: PVC
Lời khuyên về Thùng chứa	: Không nên đặt những bồn chứa làm bằng Polyethylen ở nơi nhiệt độ cao, do nguy cơ có thể bị biến dạng.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m ³	VN OEL
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	STEL (Hơi sương)	10 mg/m ³	VN OEL
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Tỷ lệ hít vào)	5 mg/m ³	Các giá trị ngưỡng giới hạn trong ACGIH của Hoa Kỳ
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m ³	Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	(Hơi sương)	10 mg/m ³	Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc
Sương dầu khoáng dầu	Không được chỉ định	TWA (Hơi sương)	5 mg/m ³	OSHA Z-1
	Không được chỉ định	TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m ³	ACGIH

Giới hạn phơi nhiễm sinh học nghề nghiệp

Không có giới hạn về sinh học.

Phương pháp theo dõi

Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp.

Các biện pháp đo lường mức độ phơi nhiễm hợp lệ phải do một người có năng lực thực hiện và các mẫu do phòng thí nghiệm được công nhận phân tích.

Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia.

National Institute of Occupational Safety and Health (NIOSH), USA: Manual of Analytical Methods <http://www.cdc.gov/niosh/>

Occupational Safety and Health Administration (OSHA), USA: Sampling and Analytical Methods <http://www.osha.gov/>

Health and Safety Executive (HSE), UK: Methods for the Determination of Hazardous Substances <http://www.hse.gov.uk/>

Institut für Arbeitsschutz Deutschen Gesetzlichen Unfallversicherung (IFA), Germany. <http://www.dguv.de/inhalt/index.jsp>

L'Institut National de Recherche et de Sécurité, (INRS), France <http://www.inrs.fr/accueil>

Các biện pháp kỹ thuật

: Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm:
Sự thông gió phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí.

Khi sản phẩm bị gia nhiệt, được phun ở dạng bụi dầu hay bị hoá sương, càng có nguy cơ cao về sự hình thành nồng độ cao trong không khí.

Thông tin chung:

Xác định thủ tục xử lý an toàn và duy trì kiểm soát.

Hướng dẫn và đào tạo công nhân về những nguy hiểm và biện pháp kiểm soát có liên quan đến các hoạt động thông thường của sản phẩm này.

Đảm bảo chọn lựa, kiểm tra và bảo trì thiết bị thích hợp được sử dụng để kiểm soát phơi nhiễm, ví dụ như thiết bị bảo vệ cá nhân, thông khí cục bộ.

Rút hết hệ thống trước khi can thiệp hoặc bảo trì thiết bị.

Giữ lượng chất dẫn lưu trong bình đựng kín trong khi chờ xử lý hoặc tái chế tiếp theo.

Luôn luôn tuân theo các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt, như rửa sạch tay sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống, và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt áo quần làm việc và vệ sinh thiết bị bảo vệ để loại bỏ tạp chất. Vứt bỏ áo quần và giày dép bị nhiễm bẩn mà không thể rửa sạch. Thực hành quản lý tốt.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Các biện pháp bảo vệ

Trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia. Hãy kiểm tra các nhà cung cấp PPE.

Bảo vệ hô hấp

: Không có yêu cầu về sự bảo vệ hô hấp trong những điều kiện sử dụng bình thường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Phải thực hiện tốt công tác vệ sinh công nghiệp, để tránh hít phải vật liệu này.
Nếu các biện pháp kỹ thuật không duy trì nồng độ hóa chất trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo hộ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các quy định tương ứng.
Hãy kiểm tra với những nhà cung cấp thiết bị bảo hộ hô hấp.
. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn một mặt nạ và bộ lọc kết hợp phù hợp.
Chọn một bộ lọc thích hợp với hợp chất gồm khí và hơi hữu cơ [Loại A/P với nhiệt độ sôi >65°C (149°F)].

Bảo vệ tay
Ghi chú

: Khi có sự tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Găng tay PVC, găng tay cao su neopren hay găng tay cao su nitril. Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, tính kháng hoá chất của vật liệu làm găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay. Sau khi sử dụng xong cần rửa tay lại cho sạch và lau khô. Nên sử dụng chất làm ẩm không thơm để rửa tay.

Để có thể tiếp xúc liên tục, chúng tôi khuyến cáo sử dụng găng tay với thời gian chọc thủng hơn 240 phút nhưng nên là > 480 phút nếu có thể có găng tay thích hợp. Để bảo vệ trong thời gian ngắn/bắn tóe, chúng tôi cũng khuyến cáo biện pháp tương tự, nhưng có thể không có sẵn găng tay thích hợp với mức bảo vệ như vậy và trong trường hợp này, thời gian chọc thủng thấp hơn có thể chấp nhận được miễn là tuân theo chế độ duy trì và thay thế thích hợp. Độ dày của găng tay không phải là chỉ số tốt về tính chịu hóa chất của găng tay vì điều này phụ thuộc vào thành phần vật liệu chính xác của găng tay. Găng tay nên dày hơn 0,35 mm tùy theo chất liệu và kiểu dáng của găng tay.

Bảo vệ mắt

: Nếu va đập hoặc bắn tóe vào mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nước sạch. Nếu cần, hãy dùng khăn sạch để lau mắt. Nếu vẫn còn cảm giác đau hoặc khó chịu, hãy đi khám bác sĩ.

Bảo vệ da và cơ thể

: Bảo vệ da thường không yêu cầu vượt quá tiêu chuẩn của quần áo bảo hộ ban hành.
Cần phải đeo găng tay chống nhiễm hóa chất.

Các mối nguy do nhiệt

: Không Áp dụng

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Lời khuyên chung

: Thực hiện các biện pháp thích hợp để đáp ứng mọi yêu cầu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

của cơ quan bảo vệ môi trường có liên quan. Tránh làm ô nhiễm môi trường bằng cách thực hiện theo hướng dẫn trong Chương 6. Nếu cần, ngăn không cho vật liệu chưa được hòa tan chảy vào nước thải. Nước thải phải được xử lý tại nhà máy xử lý nước thải đô thị hoặc công nghiệp trước khi thải vào nước bề mặt.
Các hướng dẫn địa phương về các giới hạn thoát khí cho các chất dễ bay hơi phải được áp dụng cho việc thải khí thải có hơi.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: Dạng lỏng ở nhiệt độ thường.
Màu sắc	: màu hổ phách
Mùi đặc trưng	: Hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	: Không có dữ liệu
Độ pH	: Không Áp dụng
điểm đông đặc	: -42 °C / -44 °F Phương pháp: ISO 3016
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: > 280 °C / 536 °F (Các) giá trị ước tính
Điểm chớp cháy	: 220 °C / 428 °F Phương pháp: ISO 2592
Tỷ lệ hóa hơi	: Không có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	: Không có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ	: Khoảng 10 %(V)
Giới hạn dưới của cháy nổ	: Khoảng 1 %(V)
Áp suất hóa hơi	: < 0.5 Pa (20 °C / 68 °F) (Các) giá trị ước tính
Tỷ trọng hơi tương đối	: > 1 (Các) giá trị ước tính
Tỷ trọng tương đối	: 0.882 (15 °C / 59 °F)
Mật độ	: 882 kg/m ³ (15.0 °C / 59.0 °F) Phương pháp: ISO 12185
Độ hòa tan	
Tính tan trong nước	: không đáng kể
Độ hòa tan trong các dung môi khác	: Không có dữ liệu
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: Pow: > 6 (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Nhiệt độ tự bốc cháy : > 320 °C / 608 °F

Độ nhớt

Độ nhớt, động lực : Không có dữ liệu

Độ nhớt, động học : 60 mm²/s (40.0 °C / 104.0 °F)
Phương pháp: ISO 3104

9.4 mm²/s (100 °C / 212 °F)
Phương pháp: ISO 3104

Đặc tính cháy nổ : Không phân loại

Đặc tính ôxy hóa : Không có dữ liệu

Tính dẫn : Vật liệu này không được cho là bộ tích điện tĩnh.

Nhiệt độ phân hủy : Không có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Sản phẩm không có bất kỳ nguy hiểm phản ứng nào khác ngoài những nguy hiểm được liệt kê trong đoạn sau đây.

Tính ổn định hóa học : Ổn định.

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm : Phản ứng với các nguyên tố ôxy hóa mạnh Tránh bị nhiễm các chất cách nhiệt do gần bề mặt nóng bởi dầu và nhựa đường.

Các điều kiện cần tránh : Nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Các vật liệu xung khắc : Các nguyên tố ôxy hóa mạnh.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Những sản phẩm phân hủy nguy hiểm không hình thành trong điều kiện lưu trữ thông thường.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Cơ sở để Đánh giá : Thông tin đã cho là dựa vào dữ liệu trên các thành phần và dữ liệu của ngành độc học về các sản phẩm tương tự. Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ.

Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da và mắt là những cách chủ yếu của phơi nhiễm cho dù phơi nhiễm có thể xảy ra thông qua việc tình cờ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

nuốt phải.

Độc tính cấp tính

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng

: LD50 chuột: > 5,000 mg/kg
Ghi chú: Được cho là có độc tính thấp:

Độc tính cấp do hít phải

: Ghi chú: Không xem là nguy hiểm ở điều kiện sử dụng bình thường.

Độc tính cấp qua da

: LD50 Thỏ: > 5,000 mg/kg
Ghi chú: Được cho là có độc tính thấp:

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Ghi chú: Được cho là kích ứng nhẹ., Nếu da tiếp xúc thường xuyên và lâu dài mà không có chế độ vệ sinh hợp lý, sẽ bị bít lỗ chân lông và dẫn đến các rối loạn như nổi mụn do dầu / sưng tấy.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Ghi chú: Được cho là kích ứng nhẹ.

Thành phần:

Dialkyl dithiophosphat kẽm:

Ghi chú: Dựa trên các dữ liệu có sẵn thì các tiêu chí phân loại không được đáp ứng

Kích thích hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Ghi chú: Không gây mẫn cảm cho da .

Thành phần:

Borated ester:

Ghi chú: Có thể gây dị ứng da đối với những người nhạy cảm.

Biến đổi tế bào gốc

Sản phẩm:

: Ghi chú: Không được xem là có nguy cơ gây biến đổi gen.

Độc tính gây ung thư

Sản phẩm:

Ghi chú: Không được cho là có khả năng gây ung thư.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Ghi chú: Các sản phẩm có gốc dầu khoáng đã chứng tỏ không gây ung thư trên các nghiên cứu sơn trên da động vật., Dầu khoáng tinh chế cao không thuộc loại gây ung thư theo Cơ quan Nghiên cứu Quốc tế về Ung thư (IARC).

Vật liệu	GHS/CLP Độc tính gây ung thư Phân loại
Dầu khoáng đã tinh lọc cao	Không phân loại có tính gây ung thư

Độc tính đối với sinh sản

Sản phẩm:

:

Ghi chú: Không được cho là làm mất khả năng sinh sản., Không được cho là một chất độc phát triển.

STOT - Tiếp xúc một lần

Sản phẩm:

Ghi chú: Không được cho là có nguy hiểm.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Sản phẩm:

Ghi chú: Không được cho là có nguy hiểm.

Độc tính hô hấp

Sản phẩm:

Không bị cho là mối nguy hại đối với hô hấp.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: Dầu đã qua sử dụng có chứa những chất bẩn có hại tích lũy trong khi sử dụng. Nồng độ của những chất bẩn như thế tùy thuộc vào quá trình sử dụng và chúng có thể gây ra những nguy hiểm cho sức khỏe và môi trường khi bị thải ra., Tất cả dầu xả nên được xử lý đúng cách, tránh và hạn chế tối đa việc tiếp xúc với da.

Ghi chú: Kích ứng nhẹ hệ hô hấp.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Cơ sở để Đánh giá

: Dữ liệu về ảnh hưởng xấu đến sinh thái chưa được xác định cụ thể cho sản phẩm này.
Thông tin thể hiện được lấy từ việc nhận biết các thành phần

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

của nó và mức độ tác hại lên môi trường sinh thái của các sản phẩm tương tự.
Trừ khi được chỉ định khác, mọi dữ liệu trình bày có tính đại diện cho một sản phẩm nói chung, hơn là cho (các) thành phần riêng lẻ. (LL/EL/IL50 là khối lượng danh nghĩa của sản phẩm được yêu cầu để chuẩn bị thử nghiệm chiết xuất dung dịch nước).

Độc tính sinh thái

Sản phẩm:

Độc đối với cá (Độc tính cấp) : Ghi chú: Được cho là không độc trong thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Độc tính đối với loài giáp xác (Độc tính cấp) : Ghi chú: Được cho là không độc trong thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Độc tính đối với tảo / cây thủy sinh (Độc tính cấp) : Ghi chú: Được cho là không độc trong thực tế.
LL/EL/IL50 > 100 mg/l

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Không có dữ liệu

Độc tính đối với loài giáp xác (Tính độc mãn tính) : Ghi chú: Không có dữ liệu

Độc tính đối với các vi sinh vật (Độc tính cấp) : Ghi chú: Không có dữ liệu

Tính bền vững và phân hủy

Sản phẩm:

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: Được cho là không sẵn sàng phân hủy., Các thành tố chính được cho là có khả năng phân hủy sinh hóa, nhưng sản phẩm chứa các thành phần và các thành phần này có thể tồn tại trong môi trường.

Tiềm năng tích lũy sinh học

Sản phẩm:

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: Chứa các thành phần có khả năng tích lũy sinh hóa.

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : Pow: > 6 Ghi chú: (dựa trên thông tin về những sản phẩm tương tự)

Tính biến đổi trong đất

Sản phẩm:

Tính lưu động : Ghi chú: Dạng chất lỏng trong điều kiện môi trường thông thường., Trong trường hợp ngấm vào đất, nó sẽ hấp thụ các phần tử trong đất và nằm nguyên ở đó.
Ghi chú: Nổi trên mặt nước.

Các ảnh hưởng có hại khác

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

chưa có dữ liệu

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Sản phẩm là một hỗn hợp không bay hơi, do vậy lượng thoát ra không khí không đáng kể., Không có nguy cơ phá hủy tầng ozone, không có nguy cơ tầng ozone bị quang hóa và không có nguy cơ làm trái đất ấm lên.
Hỗn hợp khó hòa tan., Có thể gây tắc nghẽn vật lý đối với các sinh vật dưới nước.
Dầu khoáng với nồng độ chưa đến 1 mg/l không gây ra tác hại lâu dài cho các sinh vật dưới nước.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không được để sản phẩm bỏ đi làm ô nhiễm đất và nước ngầm, hoặc để thải bỏ ra môi trường.
Chất thải, chất tràn hay sản phẩm đã dùng là chất thải nguy hiểm

Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

Các qui định của địa phương có thể nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu của khu vực hay quốc gia và phải được thực thi.

Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Công tác loại bỏ phải phù hợp với các qui định phổ biến, ưu tiên người thu gom và nhà thầu có uy tín. Việc chọn sử dụng người thu gom hay nhà thầu phải được quyết định trước.
Việc loại bỏ phải phù hợp với luật pháp và qui định áp dụng ở khu vực, quốc gia và địa phương.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

ADR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

IMDG-Code

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Nhóm ô nhiễm : Không Áp dụng
Loại tàu : Không Áp dụng
Tên sản phẩm : Không Áp dụng
Cảnh báo đặc biệt : Không Áp dụng

Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

Ghi chú : Tham khảo Chương 7, Xử Lý & Lưu Trữ, để biết thêm về các phụng ngừa đặc biệt mà người sử dụng cần phải lưu ý hoặc cần tuân theo có liên quan đến việc vận chuyển.

Thông Tin Thêm : Các qui tắc MARPOL nđôic áp dụng cho việc vận chuyển một lổđing lờun trên biển.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Điều 29, Luật Hoá chất Việt Nam, và Phụ lục 5, phần D của Thông tư số 12/2006/TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp ("Thông tư 12").

Các quy định của Việt Nam về giao thông vận tải: Nghị định số 13/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003 quy định danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các mặt hàng nguy hiểm; Thông tư 02/2004/TT-BCN của Bộ Công nghiệp ngày 31/12/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định của Chính phủ số 13/2003 ND-CP ngày 19 tháng 2 năm 2003; Nghị định 29/2005/ND-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định "danh mục các mặt hàng nguy hiểm và việc vận chuyển các hàng hoá nguy hiểm bằng đường thủy nội địa.

Luật Hoá chất Việt Nam; Nghị định số 108/2008/ ND-CP ngày 7 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về việc thực hiện Luật Hoá chất; Nghị định số 68/2005/ND-CP ngày 20 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Thông tư 12/2006 TT-BCN ngày 22 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2005/ND-CP của Chính phủ về An toàn Hoá chất; Luật Tiêu chuẩn và Chỉ tiêu Kỹ thuật. Thông tư 04 /2012/ TT-BCT quy định về việc phân loại và ghi nhãn của hóa chất. Nghị định 89/2006/NĐ-CP về ghi nhãn hàng hóa.

Các quy định quốc tế khác

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

EINECS : Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc trừ các chất polyme.
TSCA : Tất cả các thành phần được liệt kê.

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H411 Độc đối với thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

Aquatic Chronic Độc tính thủy sinh lâu dài
Asp. Tox. Nguy cơ hô hấp
Eye Dam. Gây tổn thương nặng cho mắt
Skin Sens. Nhạy cảm với da

Chữ viết tắt và từ viết tắt : Có thể tìm kiếm các chữ viết tắt tiêu chuẩn được sử dụng trong hồ sơ này trong tài liệu tham khảo (ví dụ như tự điển khoa học) và/hoặc các trang web.

Thông tin khác

Các thông tin khác : Một vạch thẳng đứng (|) ở phía trái cho biết 1 sự hiệu chỉnh (

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Shell Spirax S4 TXM

Phiên bản 2.1

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 05.09.2016

Ngày in 06.09.2016

sửa đổi) so với phiên bản trước đây.

Thông tin này được dựa trên hiểu biết hiện tại của chúng tôi và để mô tả sản phẩm chỉ nhằm phục vụ cho các yêu cầu về sức khỏe, an toàn, và môi trường. Vì vậy, nó không được coi như là sự bảo đảm về bất kỳ thuộc tính cụ thể gì của sản phẩm.